

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 40/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Địa chỉ: Tầng B, toà nhà S, số P, phường S (quận C cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh H, chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN Vùng - Vùng Bắc Trung Bộ - Khối mạng lưới kinh doanh; địa chỉ: Số Đ, phường P, thành phố Huế (*theo giấy uỷ quyền số 077332.25 ngày 25/11/2025*).

Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Văn Kh; ông Lê Nguyễn Hữu Tr; ông Lê Đức Tr; ông Trương Võ Văn Q; ông Đặng Đức Ph và ông Lê Nguyễn Hữu Tr1; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: Số Đ, phường P, thành phố Huế (*theo giấy uỷ quyền số 021440.26 ngày 21/01/2026*).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1993; Căn cước công dân số 046193011XXX cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an và Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 046090011XXX cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Bộ Công an; cùng địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện P, thành phố Huế (nay là Thôn P, xã L, thành phố Huế).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn là bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A với tổng số tiền nợ tính đến ngày 10/4/2026 là 1.027.152.557 đồng (trong đó đối với Hợp đồng tín dụng số 6331971.22 ngày 17/03/2022: nợ gốc: 675.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 710.630 đồng, nợ lãi quá hạn: 30.026.878 đồng và nợ tiền lãi chậm trả: 947.614 đồng; đối với Hợp đồng tín dụng số 9415636.24 ngày 25/6/2024: nợ gốc: 198.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.288.356 đồng và nợ tiền lãi chậm trả: 8.541.978 đồng; đối với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 17/03/2022: nợ gốc: 93.003.019 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.644.409 đồng và nợ tiền lãi, phí chậm trả: 7.989.673 đồng).

2.2. Về thời gian và phương thức trả nợ: Trả nợ một lần vào ngày 10/5/2026.

Kể từ ngày 11/4/2026, bị đơn là bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tương ứng với nghĩa vụ trả nợ của mình theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát hành thẻ tín dụng nói trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T phải chịu trách nhiệm trả 01 lần toàn bộ số tiền nợ và phát mãi tài sản thế chấp mà phía bị đơn đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 62, toạ lạc tại thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thôn P, xã L, thành phố Huế) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 304107 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/02/2022 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4968441.22 ngày 17/03/2022 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp chưa đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản khác của bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T để thu hồi nợ.

2.4. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T thuận chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đủ, nên bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 4.000.000 đồng cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Huỳnh Đức T thuận chịu 21.407.288 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 20.817.085 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000935 ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 4-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Tú